

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Bùi T Mở

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 297/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn Bắc 2, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đào Văn T1; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 28 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Đào Văn T1 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 10 năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khi sinh con thứ hai thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T1 mãi chơi, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, chị T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, bất đồng quan điểm, thường xảy ra cãi mắng lẫn nhau. Do mâu thuẫn chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị và anh T1 đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Văn T1. Chị và anh Đào Văn T1 có 02 con chung tên Đào Thị Thùy Linh, sinh ngày 03/4/2006 và Đào Văn Long, sinh ngày 04/4/2008. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi 02 con chung như hiện nay. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh T1 tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T1 tự thỏa phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn T1 có nơi cư trú tại Thôn Bắc 2, xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Đào Văn T1 không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Đào Văn T1 nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ T1 và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1. Giao 02 con chung tên Đào Thị Thùy Linh, sinh ngày 03/4/2006 và Đào Văn Long, sinh ngày 04/4/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến

khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T Đường và Công an xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đào Văn T1 đang cư trú tại xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Đào Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 10 năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động động làm ăn kinh tế nên thường xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T1 đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị T, anh T1 đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Đào Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn T1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 có 02 con chung Đào Thị Thùy Linh, sinh ngày 03/4/2006 và Đào Văn Long, sinh ngày 04/4/2008. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, con chung trên 7 tuổi đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T khai chị và anh Đào Văn T1 tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh T1 nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1.
2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đào Thị Thùy Linh, sinh ngày 03/4/2006 và Đào Văn Long, sinh ngày 04/4/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008307 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn T1 có T1 kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có T1 thỏa thuận thi hành án, T1 yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã T Đường, huyện T Nguyên, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/10/2005);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

